

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HS-ST

Ngày 25 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 189/2022/TLST-HS ngày 28/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-HS ngày 13/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê V** (tên gọi khác: Út), sinh ngày 12/7/1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Minh V (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ly P, sinh năm 1992; bị cáo có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 57/2013/HSST ngày 22/7/2013, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/5/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Tại Bản án số 53/2015/HSST ngày 10/02/2015, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/10/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Tại Quyết định số 04/2016/QĐ-TA ngày 18/3/2016, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng đối với bị cáo. Ngày 25/8/2017, bị cáo chấp hành xong quyết định.

- Tại Bản án số 140/2018/HS-ST ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Ngày 09/8/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/3/2022 đến ngày 20/3/2022 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Ngô Văn T**, sinh ngày 27/12/2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L (không rõ năm sinh) và bà Nông Thị Đ, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không.

Tiền sự: 01, tại Quyết định số 23/QĐ-TA ngày 05/11/2019, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng đối với bị cáo. Ngày 04/02/2021, bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/3/2022 đến ngày 20/3/2022 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Ông Đặng Bá L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đoàn Thị P, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Vũ Văn K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê V và Ngô Văn T là người nghiện ma túy, không có nơi ở ổn định, từ đầu tháng 02/2022 cùng nhau sống lang thang trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/02/2022, T điều khiển xe mô tô không gắn biển số chở V đi lòng vòng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu tái định cư thuộc địa phận tổ dân phố C, phường T, thành phố B thì T và V thấy căn nhà kho được dựng bằng tôn của ông Đặng Bá L không có ai trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào để trộm cắp tài sản. T điều khiển xe đến gần căn nhà kho, nhìn vào bên trong thấy có tài sản, nên lấy 01 chiếc kim trong cặp xe mô tô chuẩn bị từ trước sử dụng cạy phá tôn ở phía hông trái của nhà kho thành 01 lỗ hình chữ nhật kích thước (01x1,3)m, cách mặt đất 50cm. Sau đó, T và V chui vào nhà kho thấy có 01 máy cắt sắt để bàn không rõ nhãn hiệu, nhiều tấm kim loại cặp pha, kích thước (02x0,9)m, nhiều thanh sắt hình trụ tròn có chiều dài từ 1m đến 1,5m (đường kính từ 12mm đến 18mm), các thanh sắt hình trụ tròn này được hàn

cố định lại với nhau mục đích để tránh bị lấy trộm. Thấy vậy, T lấy 01 cái búa, 01 xà beng có sẵn trong nhà kho để tháo gỡ các thanh sắt này ra, còn V nhặt những thanh sắt rồi dùng các sợi kẽm nhặt được trong nhà kho để cột lại và bó thành 02 bó. Sau đó, T và V đưa hai bó sắt và 01 máy cắt sắt qua lỗ tôn ra khỏi kho, rồi T điều khiển xe chở V đem theo 02 bó sắt và máy cắt sắt đến tiệm thu mua phế liệu của vợ chồng chị Đoàn Thị P và anh Vũ Văn K, tại đường G, phường T, thành phố B để bán. Tại đây, V và T nói với chị P đây là các tài sản của gia đình, không sử dụng nữa nên muốn bán thì chị P đồng ý mua. Khi cân 02 bó sắt nặng 130kg và kiểm tra thì máy cắt sắt để bàn không còn hoạt động, nên T và V bán 02 bó sắt với giá 9.000 đồng/kg được số tiền 1.170.000 đồng, 01 máy cắt sắt được số tiền 150.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở V quay trở lại nhà kho nói trên, đột nhập vào trong nhà kho lấy 02 bó sắt tương tự như lần trước, sau đó chở đến tiệm thu mua phế liệu của chị P để bán, cân được 130kg, bán được số tiền 1.170.000 đồng. Đến trưa ngày 09/02/2022, T và V tiếp tục quay lại nhà kho của ông L, lấy trộm 05 tấm cốp pha bằng sắt và chở đến bán cho chị P, cân được 160kg và bán với giá 9.000 đồng/kg được số tiền 1.440.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, V và T tiếp tục quay lại kho của ông L lấy thêm 05 tấm cốp pha bán cho chị P được số tiền 1.440.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 10/02/2022, T và V quay lại nhà kho trên tiếp tục lấy 05 tấm cốp pha bằng sắt chở đến bán cho chị P được số tiền 1.440.000 đồng.

Tổng cộng 05 lần T và V bán tài sản trộm cắp được số tiền 6.810.000 đồng, sử dụng để mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Đến sáng ngày 11/3/2022, trong lúc T và V đi trên đường C, thuộc phường T, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp thì bị Công an phường T triệu tập làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 12/3/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 máy cắt sắt để bàn, đã qua sử dụng (không rõ nhãn hiệu), không còn hoạt động được, trị giá 135.000 đồng.

- 260kg sắt, gồm nhiều thanh hình trụ tròn, loại sắt Ø12 đến Ø18, mỗi thanh sắt dài từ 01m đến 1,5m, đã qua sử dụng, trị giá 2.340.000 đồng.

- 15 tấm cốp pha định hình bằng sắt, kích thước mỗi tấm (02 x 0,90)m, khối lượng 32kg/01 tấm, đã qua sử dụng, trị giá 4.320.000 đồng.

- Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là: 6.795.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 17/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Giá trị thiệt hại của tấm tôn kích thước (1,1x6)m, bị cạy phá với kích thước (1x1,3)m, đã qua sử dụng, vào thời điểm bị cạy phá là 265.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 423/KL-KTHS ngày 10/5/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô màu đen, nhãn hiệu VISOUL, không gắn biển số, có số máy, số khung không thay đổi. Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 23/5/2022, Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm (số khung, số máy).

Tại bản Cáo trạng số 206/CT-VKSTP-BMT ngày 27/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê V và Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung bản Cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê V và Ngô Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê V từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Ngô Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc xe máy là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc kim và 02 bom kim tiêm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê V và Ngô Văn T liên đới bồi thường cho ông Đặng Bá L trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.795.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 08, 09 và 10/02/2022 tại địa bàn phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Lê V và Ngô Văn T cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy cắt sắt để bàn, 15 tấm cốp pha và 260kg sắt của ông Đặng Bá L. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 6.795.000 đồng.

Xét thấy, các bị cáo là người thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xác định hành vi của Lê V và Ngô Văn T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội

phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Phân hóa vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Trong vụ án này, các bị cáo có vai trò như nhau trong việc chiếm đoạt tài sản và mang tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ. Tuy nhiên, đối với bị cáo Lê V, năm 2013 và 2015 đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2018, bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo không lấy đó là bài học kinh nghiệm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức cải tạo kém, không ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Lê V cao hơn bị cáo Ngô Văn T là phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo (bị cáo Ngô Văn T được áp dụng thêm tình tiết ăn năn hối cải); phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Ngô Văn T, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc và phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

[6.1] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô không gắn biển số, nhãn hiệu VISOUL, là tài sản của bị cáo Ngô Văn T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc kim băng kim loại (sử dụng vào việc phạm tội) và 02 bom kim tiêm bằng nhựa (để sử dụng chất ma túy), không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 15.000 đồng các bị cáo hưởng lợi do có sự chênh lệch giữa kết quả định giá tài sản trộm cắp (6.795.000 đồng) và số tiền thực tế các bị cáo bán tài sản trộm cắp (6.810.000 đồng), cần buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc ông Đặng Bá L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do tẩm tôn của nhà kho bị cạy phá.

Buộc bị cáo Lê V và Ngô Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Đặng Bá L số tiền 6.795.000 đồng, là trị giá tài sản chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá (mỗi bị cáo phải bồi thường 3.397.500 đồng).

[7] Về các vấn đề khác liên quan:

Đối với hành vi phá tẩm tôn nhà kho của Lê V và Ngô Văn T, do trị giá thiệt hại dưới 2.000.000 đồng nên Công an thành phố Buôn Ma Thuột ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê V và Ngô Văn T, Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với chị Đoàn Thị P và anh Vũ Văn K, là người mua tài sản từ Lê V và Ngô Văn T, sau đó bán lại cho bà Lê Thị Kim L. Tuy nhiên, chị P, anh K và bà L không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị P, anh K và bà L là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê V và Ngô Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê V và Ngô Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê V**: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn T**: 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2022.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

[2.1] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 chiếc xe mô tô không có biển số, nhãn hiệu VISOUL, số khung RMNWCHPMN7H002567, số máy VHLFM152FMH-V122567.

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 chiếc kiếm (kìm) bằng kim loại, dài 18cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 02 bom kim tiêm bằng nhựa, màu

trắng, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk)

- Buộc bị cáo Lê V và Ngô Văn T phải liên đới nộp lại số tiền 15.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước (mỗi bị cáo phải nộp 7.500 đồng).

[2.2] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc ông Đặng Bá L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đối với tài sản của nhà kho bị cạy phá.

Buộc bị cáo Lê V và Ngô Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Đặng Bá L số tiền 6.795.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường 3.397.500 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị cáo Lê V và Ngô Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp BMT;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng